

**CÔNG TY CỔ PHẦN DIGICITY VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DIGICITY VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DIGICITY VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DIGICITY VIET NAM .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0105395838

**3. Ngày thành lập:** 11/07/2011

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 1, số 221, phố Thanh Nhân, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 36253617

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                           | 2710     |
| 2.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                      | 4651     |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                   | 4653     |
| 4.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                      | 4931     |
| 5.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;                                      | 4932     |
| 6.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                           | 4933     |
| 7.  | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                         | 5224     |
| 8.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(không bao gồm kinh doanh bất động sản)                                                                   | 5210     |
| 9.  | Điều hành tua du lịch                                                                                                                    | 7912     |
| 10. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                             | 7920     |
| 11. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                      | 9522     |
| 12. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); | 5510     |
| 13. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                               | 3312     |
| 14. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                   | 3313     |
| 15. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                   | 3314     |
| 16. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                    | 4321     |
| 17. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                          | 4322     |

|     |                                                                                                                                                                                  |                                                              |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                   | 4330                                                         |
| 19. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: bán buôn đồ điện tử, điện lạnh, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;                          | 4649                                                         |
| 20. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                               | 4652(Chính)                                                  |
| 21. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);                                                           | 5610                                                         |
| 22. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                            | 6201                                                         |
| 23. | Quảng cáo<br>(không bao gồm quảng cáo thuốc lá);                                                                                                                                 | 7310                                                         |
| 24. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                           | 7710                                                         |
| 25. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                   | 7911                                                         |
| 26. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                        | 8230                                                         |
| 27. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                 | 8292                                                         |
| 28. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                          | 8560                                                         |
| 29. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                        | 9511                                                         |
| 30. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                     | 9521                                                         |
| 31. | Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 1.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức     | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | HÀ HỒNG HẠNH | Số 221, phố Thanh Nhân, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 20.000     | 200.000.000           | 13,30     | 011987501                                                                                   |         |
|     |              |                                                                                          | Tổng số           | 20.000     | 200.000.000           | 13,30     |                                                                                             |         |

|   |                    |                                                                                          |                   |         |               |       |           |  |
|---|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------|---------------|-------|-----------|--|
| 2 | TRẦN THỊ THU TRANG | Số 83 ngõ Quỳnh, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam        | Cổ phần phổ thông | 20.000  | 200.000.000   | 13,30 | 012256837 |  |
|   |                    |                                                                                          | Tổng số           | 20.000  | 200.000.000   | 13,30 |           |  |
| 3 | TRẦN XUÂN THẮNG    | Số 221, phố Thanh Nhàn, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 110.000 | 1.100.000.000 | 73,40 | 012067398 |  |
|   |                    |                                                                                          | Tổng số           | 110.000 | 1.100.000.000 | 73,40 |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: HÀ HỒNG HẠNH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 28/07/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011987501

Ngày cấp: 28/03/2011

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 221, phố Thanh Nhàn, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 221, phố Thanh Nhàn, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội